

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2016/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2016

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 như sau:

1. Sửa đổi Khoản 6 Điều 2 như sau:

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

6. Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình là Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.”

2. Sửa đổi Điều 3 như sau:

“Điều 3. Nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Nhiệm vụ thuộc Chương trình bao gồm:

a) Đề án khoa học, đề tài khoa học và công nghệ thuộc Chương trình được quy định tại Điều 7 của Thông tư này;

b) Dự án đầu tư xây dựng các sản phẩm công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ được quy định tại Điều 8 của Thông tư này; Dự án xây dựng các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ được quy định tại Điều 10 của Thông tư này;

c) Dự án khoa học và công nghệ được quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 và Điều 15 của Thông tư này;

d) Nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ được quy định tại Khoản 2 Điều này;

đ) Hoạt động quản lý của Chương trình được quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Tổ chức hoặc tham gia các sự kiện chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), Techmart ảo, Techmart trực tuyến; vận hành cổng thông tin giao dịch công nghệ, sản phẩm công nghệ; hội thảo, tọa đàm phổ biến công nghệ thích hợp, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến;

b) Trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo); xúc tiến thương mại hóa công nghệ; điều tra, đánh giá đổi mới công nghệ của doanh nghiệp; hỗ trợ hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho các Trung tâm ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ địa phương;

c) Tổ chức hội thảo triển lãm giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ sở nghiên cứu, đào tạo; ngày hội khởi nghiệp công nghệ và các sự kiện về đổi mới sáng tạo; triển lãm sáng chế, triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ tiềm năng thương mại hóa ở trong nước và nước ngoài; hội nghị phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hội nghị phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ thị trường khoa học và công nghệ; duy trì, cập nhật và phát triển cơ sở dữ liệu, cổng thông tin, trang thông tin điện tử về thị trường khoa học và công nghệ; khảo sát xác định giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ;

d) Các hoạt động cần thiết khác để xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

3. Hoạt động quản lý Chương trình bao gồm:

a) Hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình; hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình của Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Truyền thông, tập huấn về việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình;

c) Tổ chức các chương trình tham quan, khảo sát thực tế và học tập kinh nghiệm từ các mô hình phát triển thị trường khoa học và công nghệ thành công, tiêu biểu ở trong nước và nước ngoài;

d) Các hoạt động khác trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.”

3. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 như sau:

“**Điều 4. Dự án đầu tư thuộc Chương trình**

1. Thủ tục thẩm định, tổ chức thực hiện, điều chỉnh nội dung tiến độ thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ liên quan đến dự án đầu tư xây dựng, tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ cho các sản phẩm công nghệ công lập, trung tâm giao dịch công nghệ công lập thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức trung gian công lập khác được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.”

4. Sửa đổi Khoản 1, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 5 như sau:

“**Điều 5. Nguyên tắc chung xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình**

1. Có nội dung phù hợp với định hướng nhiệm vụ của Chương trình được quy định trong Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Khung Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

5. Một nhiệm vụ có thể bao gồm một hoặc một số nội dung thuộc các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

6. Việc xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình có thể được thực hiện hàng năm hoặc trong một giai đoạn phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.”

5. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“**Điều 6. Mã số nhiệm vụ thuộc Chương trình**

Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện việc ghi mã số nhiệm vụ thuộc Chương trình khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quy định tại các điểm a, c, d Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, tương ứng như sau:

TTKHCN.ĐT.XX-YY;
TTKHCN.ĐA.XX-YY;
TTKHCN.DA.XX-YY;
TTKHCN.HĐ.XX-YY.

Trong đó:

TTKHCN là ký hiệu của Chương trình;

ĐT là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức đề tài;

ĐA là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức đề án;

DA là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức dự án;

HĐ là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức nhiệm vụ hàng năm, định kỳ;

XX là ký hiệu số thứ tự của hồ sơ đăng ký;

YY là ký hiệu năm tiếp nhận hồ sơ đăng ký;

Ví dụ: TTKHCN.DA.01-2016 đề chỉ hồ sơ đăng ký dưới dạng dự án số 01 được tiếp nhận vào năm 2016 thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.”

6. Sửa đổi Điều 9 như sau:

“Điều 9. Dự án thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

- a) Tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ;
- b) Có dự án thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Tư vấn, xây dựng, thẩm định đề án thành lập, nâng cao năng lực tổ chức, hoạt động của tổ chức trung gian;

b) Đào tạo kỹ năng thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặt hàng thực hiện dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, môi giới, tư vấn, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, tài sản trí tuệ;

c) Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về thành lập, quản lý, điều hành tổ chức trung gian; đào tạo nhân lực chuyên môn cho tổ chức trung gian;

d) Hoạt động thuộc chức năng của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ;

đ) Xây dựng, duy trì, cập nhật và phát triển cơ sở dữ liệu, công thông tin, trang thông tin điện tử về thị trường khoa học và công nghệ.”

7. Sửa đổi Điểm a Khoản 2 Điều 11 như sau:

“Điều 11. Dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ

2. Nội dung hỗ trợ

a) Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ở trong và ngoài nước, đào tạo qua mạng thông tin điện tử về kiến thức, kỹ năng, thực hành chuyên giao, làm chủ công nghệ; kiến thức, kỹ năng, thực hành quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ;”

8. Sửa đổi Điều 13 như sau:

“Điều 13. Dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có khả năng xây dựng phương án, mô hình, giải pháp khả thi để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; hoặc

b) Tổ chức, cá nhân có công nghệ, sản phẩm công nghệ có khả năng tăng trưởng về quy mô thị trường; tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ, sử dụng sản phẩm công nghệ; tổ chức, cá nhân đặt hàng sản xuất, chuyên giao công nghệ, hợp tác đầu tư, tiêu thụ sản phẩm.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Thuê chuyên gia xây dựng phương án thương mại hóa, đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ. Nội dung phương án bao gồm: xây dựng mô hình, chiến lược kinh doanh; phương án giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phương án chuyên giao công nghệ; phương án đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phương án ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; phương án thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc doanh nghiệp;

b) Hoàn thiện, thử nghiệm sản phẩm công nghệ (làm sản phẩm mẫu, mô hình mẫu, làm sản phẩm thử nghiệm, tổ chức khảo sát, thử nghiệm thị trường, đánh giá kết quả thử nghiệm thị trường, hoàn thiện công nghệ, hoàn thiện sản phẩm công nghệ); xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kiểm định, hiệu chuẩn công nghệ, hiệu chuẩn sản phẩm công nghệ; các thủ tục liên quan đến đăng ký sở hữu trí tuệ, cấp phép lưu hành công nghệ, sản phẩm công nghệ;

c) Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường; ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ vào sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ công phục vụ lợi ích cộng đồng, an sinh xã hội;

d) Tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng, thực hành chuyên giao, làm chủ công nghệ; kiến thức, kỹ năng, thực hành quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

đ) Tham gia các sự kiện xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế;

e) Xây dựng kịch bản, sản phẩm truyền thông theo chuyên đề về thương mại hóa công nghệ, sản phẩm công nghệ.”

9. Sửa đổi Khoản 2 Điều 14 như sau:

“Điều 14. Dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ

2. Nội dung hỗ trợ

a) Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường, thu thập thông tin, xác định đối tượng tiềm năng của hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Tổ chức hoặc tham gia các sự kiện chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), Techmart ảo, Techmart trực tuyến; hội thảo, tọa đàm phổ biến công nghệ thích hợp, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo), xúc tiến thương mại hóa công nghệ; tổ chức hội thảo triển lãm giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ sở nghiên cứu, đào tạo; ngày hội khởi nghiệp công nghệ và các sự kiện về đổi mới sáng tạo; triển lãm sáng chế, triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ tiềm năng thương mại hóa ở trong nước và nước ngoài; hội nghị phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hội nghị phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, bao gồm các hoạt động sau:

- Hoạt động của chuyên gia tư vấn chỉ đạo, thiết kế mỹ thuật, trang trí tổng thể, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng;

- Lễ khai mạc, hoạt động của người dẫn chương trình, hỗ trợ kỹ thuật;

- Hoạt động của người tham gia sự kiện, bao gồm đi lại, ăn ở, vận chuyển trang thiết bị, hàng mẫu, mô hình;

- Hoạt động của ban tổ chức, hội đồng tư vấn, hội đồng xét thưởng, chuyên gia tư vấn, nhà khoa học độc lập, người tham gia trưng bày gian hàng, các thành phần khác tham gia sự kiện;

- Thông tin liên lạc, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng; lập dữ liệu điện tử để quảng bá sự kiện;

- In ấn tài liệu cần thiết (brochure, catalog, giấy mời...) của sự kiện;

- Dịch thuật; tổ chức hội thảo khoa học và công nghệ;

- Thuê mặt bằng (bao gồm cả an ninh, bảo vệ, điện nước); dàn dựng gian hàng; trưng bày sản phẩm;

- Khen thưởng (bằng khen, giấy khen), giấy chứng nhận, phù điêu, kỷ niệm chương; tổ chức lễ trao thưởng;

- Các hoạt động cần thiết khác.

c) Tư vấn, giới thiệu, quảng bá, xúc tiến thương mại hóa công nghệ mới, sản phẩm tạo ra từ công nghệ mới của tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cá nhân nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản giao dịch công nghệ và các Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”

10. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Điều 16. Xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 16a của Thông tư này.

2. Đối với nhiệm vụ được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về dự án đầu tư phát triển.

3. Đối với nhiệm vụ quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 16b của Thông tư này.”

11. Bổ sung Điều 16a vào sau Điều 16 như sau:

“Điều 16a. Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Bộ, ngành, địa phương xây dựng, phê duyệt và gửi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ đáp ứng tiêu chí, điều kiện lựa chọn quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Thông tư này:

a) Tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ chủ động gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Ban chủ nhiệm Chương trình phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tìm kiếm, đề xuất đặt hàng của Bộ Khoa học và Công nghệ trên cơ sở các tiêu chí sau đây:

- Có tính liên vùng, liên ngành;
- Có khả năng thương mại hóa và có tính lan tỏa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường;
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

3. Việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2015/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 23/2014/TT-BKHHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN; Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”; Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

4. Thuyết minh, nhận xét, đánh giá các nhiệm vụ được quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 và Điều 15 của Thông tư này theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Đối với dự án thành thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian quy định tại Điều 9 theo mẫu: B1-1-TMDATG; B1-2-NXDATG, B1-3-ĐGDATG quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ quy định tại Điều 11 theo mẫu: B2-1-TMDAĐT; B2-2-NXDAĐT, B2-3-ĐGDAĐT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ quy định tại Điều 12 theo mẫu: B3-1-TMDAĐG; B3-2-NXDAĐG, B3-3-ĐGDAĐG quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Đối với dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ quy định tại Điều 13 theo mẫu: B4-1-TMDATMH, B4-2-NXDATMH, B4-3-ĐGDATMH quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Đối với dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ quy định tại Điều 14 theo mẫu: B5-1-TMDAXT, B5-2-NXDAXT, B5-3-ĐGDAXT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Đối với dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ quy định tại Điều 15 theo mẫu: B6-1-TMDATT, B6-2-NXDATT, B6-3-ĐGDATT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Yêu cầu tra cứu thông tin đối với các nhiệm vụ quy định tại Điều 7, 9, 11, 12, 13, 14 và Điều 15 theo mẫu B7-YCTrC quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Các tài liệu khác áp dụng mẫu tương ứng theo quy định của các văn bản pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều này.”

12. Bổ sung Điều 16b vào sau Điều 16a như sau:

“Điều 16b. Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Hàng năm, các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ gửi thuyết minh nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo mẫu B8-1-TMNV quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này về Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tổng hợp rà soát, tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định danh mục nhiệm vụ theo phương thức giao trực tiếp.

2. Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn và tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ (*sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định*).

3. Hội đồng thẩm định:

a) Thành phần hội đồng thẩm định gồm 05 thành viên, trong đó:

- Một (01) chủ tịch hội đồng là đại diện của Ban Chủ nhiệm Chương trình;
- Một (01) phó chủ tịch hội đồng là chuyên gia trong lĩnh vực phát triển thị trường khoa học và công nghệ;
- Ba (03) thành viên là đại diện của các đơn vị: Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ Tài chính và Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

b) Nguyên tắc làm việc của hội đồng thẩm định:

- Phải có mặt ít nhất 4/5 số thành viên hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch.

- Hội đồng lập Biên bản thẩm định nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo mẫu B8-2-BBTĐ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Căn cứ kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt giao trực tiếp đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

5. Căn cứ Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì theo mẫu B8-3-HĐ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu B8-4-BCĐG quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ để tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ.

7. Hội đồng đánh giá nghiệm thu:

a) Thành phần hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ gồm 05 thành viên, trong đó:

- Một (01) chủ tịch hội đồng là đại diện của Ban Chủ nhiệm Chương trình;

- Một (01) phó chủ tịch hội đồng là chuyên gia trong lĩnh vực phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

- Ba (03) thành viên là đại diện của các đơn vị: Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ Tài chính và Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

b) Nguyên tắc làm việc của Hội đồng đánh giá nghiệm thu:

- Phải có mặt ít nhất 4/5 số thành viên hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch.

- Hội đồng lập Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu B8-5-BBNT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Căn cứ Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

9. Thủ tục thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo mẫu B8-6-TLHD quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”

13. Sửa đổi Khoản 3, Khoản 4, và Khoản 5 Điều 25 như sau:

“Điều 25. Tổ chức thực hiện Chương trình

3. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc xác định nhiệm vụ; tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ; thực hiện thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ; tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

4. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện thủ tục ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cấp kinh phí, thanh quyết toán kinh phí thực hiện hợp đồng và các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

5. Kinh phí cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình và kinh phí hoạt động của Chương trình được đảm bảo từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm cấp cho Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, kinh phí của chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương và các nguồn khác theo quy định.”

14. Sửa đổi Khoản 1, Khoản 5 Điều 28 như sau:

“Điều 28. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

1. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất nhiệm vụ tham gia Chương trình, hướng dẫn xây dựng kế hoạch và triển khai chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

5. Xây dựng chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương trên cơ sở các nội dung của Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020; huy động các nguồn kinh phí khác theo quy định để triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.”

15. Sửa đổi Điều 29 như sau:

“Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì

1. Tổ chức triển khai các nội dung đã được phê duyệt để thực hiện mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ thuộc Chương trình.

2. Chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo mục tiêu, nội dung và tiến độ đề ra.

4. Kiến nghị bằng văn bản với Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ) về việc điều chỉnh mục tiêu, nội dung, giải pháp, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Chương trình cho phù hợp với yêu cầu thực tế và quy định hiện hành.

5. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ (6 tháng, hàng năm, sơ kết giữa kỳ, tổng kết) và đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ của Chương trình và báo cáo quyết toán kinh phí với cấp có thẩm quyền.”

16. Bãi bỏ các Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 24.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Tùng

Phụ lục
MẪU ÁP DỤNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. **B1-1-TMDATG:** Thuyết minh dự án thành thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian.
2. **B1-2-NXDATG:** Phiếu nhận xét dự án thành thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian.
3. **B1-3-ĐGDATG:** Phiếu đánh giá dự án thành thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian.
4. **B2-1-TMDAĐT:** Thuyết minh dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
5. **B2-2-NXDAĐT:** Phiếu nhận xét dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
6. **B2-3-ĐGDAĐT:** Phiếu đánh giá dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
7. **B3-1-TMDAĐG:** Thuyết minh dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ.
8. **B3-2-ĐGDAĐG:** Phiếu nhận xét dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ.
9. **B3-3-NXTMĐT:** Phiếu đánh giá dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ.
10. **B4-1-TMDATMH:** Thuyết minh dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.
11. **B4-2-ĐGDATMH:** Phiếu nhận xét dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.
12. **B4-3-NXTMTMH:** Phiếu đánh giá dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.
13. **B5-1-TMDAXT:** Thuyết minh dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
14. **B5-2-ĐGDAXT:** Phiếu nhận xét dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
15. **B5-3-NXTMXT:** Phiếu đánh giá dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
16. **B6-1-TMDATT:** Thuyết minh dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

17. **B6-2-ĐGDATT:** Phiếu nhận xét dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
18. **B6-3-NXTMTT:** Phiếu đánh giá dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
19. **B7-YCTrC:** Phiếu yêu cầu tra cứu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
20. **B8-1-TMNV:** Thuyết minh nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
21. **B8-2-BBTĐ:** Biên bản đánh giá nội dung và thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
22. **B8-3-HĐ:** Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
23. **B8-4-BCĐG:** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
24. **B8-5-BBNT:** Biên bản đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
25. **B8-6-TTHĐ:** Biên bản thanh lý hợp đồng nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

THUYẾT MINH DỰ ÁN THÀNH LẬP, PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TRUNG GIAN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên Dự án:	2	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):
3	Thời gian thực hiện:..... tháng (từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)		
4	Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng, trong đó		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước:		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức:		
	- Từ nguồn khác:		
5	Phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán chi từng phần, trong đó:	
		- <i>Kinh phí khoán:..... triệu đồng</i>	
		- <i>Kinh phí không khoán:..... triệu đồng</i>	
6	Chủ nhiệm dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		
7	Thư ký dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:		

8	Tổ chức chủ trì thực hiện dự án			
Tên tổ chức chủ trì:.....				
Điện thoại:.....		Fax:.....		
Email:.....		Website:.....		
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
Số tài khoản:.....				
Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:.....				
Tên cơ quan chủ quản:.....				
9	Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nếu có):			
9.1. Tổ chức 1:				
Cơ quan chủ quản:.....				
Điện thoại:.....		Fax:.....		
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
9.2. Tổ chức 2:				
Cơ quan chủ quản:.....				
Điện thoại:.....		Fax:.....		
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
10	Các cán bộ thực hiện dự án:			
<i>(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)</i>				
TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

11	Mục tiêu: <i>(Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)</i>
12	Sự cần thiết thành lập tổ chức trung gian <i>12.1. Căn cứ pháp lý:</i> <i>12.2. Hiện trạng và sự cần thiết về hoạt động của tổ chức trung gian</i> <i>12.3. Nhu cầu xã hội</i>
13	Khái quát về tổ chức trung gian <i>13.1. Tên gọi của tổ chức</i> <i>13.2. Tầm nhìn và sứ mạng</i>

13.3. Chức năng và nhiệm vụ

.....
.....
.....
.....

13.4. Cơ cấu tổ chức

.....
.....
.....
.....

14 Nội dung hoạt động và lộ trình thực hiện

14.1. Nội dung 1

.....
.....
.....
.....

14.2. Nội dung 2

.....
.....
.....
.....

14.3. Nội dung 3

.....
.....
.....
.....

15 Năng lực thực hiện dự án

.....
.....
.....
.....

16	Phương án triển khai:		
	15.1. Phương án tổ chức triển khai:		
		
		
		
	15.2. Phương án về tài chính:		
		
		
		
	15.3. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có):		
		
		
		
		
17	Kết quả, sản phẩm của dự án		
TT	Tên kết quả, sản phẩm	Yêu cầu phải đạt	Ghi chú
1			
2			
3			
...			
18	Lợi ích của dự án		
	18.1. Góp phần phát triển thị trường khoa học và công nghệ		
		
		
		
		
		
	18.2. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội		
		
		
		
		
		

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ

19	Tiến độ thực hiện				
TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
3	Nội dung 3				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
	Tổng số:				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

20 Nhu cầu kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí												
TT	Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Trong đó									
			Công lao động trực tiếp	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Hội thảo, công tác phí	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát	Văn phòng phẩm, in ấn	Hội đồng tự đánh giá	Chi quản lý chung	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
2	Các nguồn khác: 2.1. <i>Vốn tự có của cơ sở:</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: 2.2. <i>Khác (vốn huy động,...):</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
Cộng:												

*) : chi dự toán khi dự án đã được phê duyệt

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý kinh phí
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung các khoản chi	Dự kiến kinh phí		Kinh phí cấp theo tiến độ		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	Công lao động trực tiếp					
1.1	Tiền công theo chức danh					
1.2	Tiền công thuê chuyên gia					
2	Nguyên vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Hội thảo khoa học, công tác phí					
4.1	Hội thảo khoa học					
4.2	Công tác phí					
5	Dịch vụ thuê ngoài					
6	Điều tra khảo sát					
7	Văn phòng phẩm, in ấn					
8	Hội đồng tự đánh giá kết quả					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
Tổng số:						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động trực tiếp

1.1. Tiền công theo chức danh

a) Thuyết minh tiền công lao động

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn B	5
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	30
4	Nội dung nghiên cứu 1	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 1	Nguyễn Văn D	30
			Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn A	25
5	Nội dung nghiên cứu 2	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 2	Nguyễn Văn A	10
			Nguyễn Văn B	30
6	Nội dung nghiên cứu...	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn...	Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	10

7	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; trình công nghệ	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
			Nguyễn Văn E	30
8	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn D	10
9	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	Nguyễn Văn A	25
Tổng cộng:				365

b) Bảng tính tiền công theo chức danh

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ sở	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Số ngày	Công thức tính	Thành tiền
1	Nguyễn Văn A	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1.210.000	0,79	100	$1.210.000 \times 0,79 \times 100$	95.590.000
2	Nguyễn Văn B	Thư ký khoa học	1.210.000	0,49	75	$1.210.000 \times 0,49 \times 75$	44.467.500
3	Nguyễn Văn C	Thành viên thực hiện chính	1.210.000	0,49	80	$1.210.000 \times 0,49 \times 80$	47.432.000
4	Nguyễn Văn D	Thành viên	1.210.000	0,25	80	$1.210.000 \times 0,25 \times 80$	24.200.000
5	Nguyễn Văn E	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	1.210.000	0,16	30	$1.210.000 \times 0,16 \times 30$	5.808.000
Tổng số:							217.497.500

1.2. Tiền công thuê chuyên gia¹ (trong và ngoài nước)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Thành tiền
I	Chuyên gia trong nước						
1		/					
2		/					
...		/					
II	Chuyên gia nước ngoài						
1							
2							
...							
Tổng số:							

¹ Trong thuyết minh nêu rõ nhu cầu và nội dung công việc, kết quả, được hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, đơn vị chủ trì thực hiện thương thảo mức thuê:
 - Đối với chuyên gia trong nước: không quá 40 triệu/người/tháng (tháng tính trên cơ sở 22 ngày làm việc). Tổng dự toán không quá 30% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh;
 - Đối với chuyên gia ngoài nước: không quá 50% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh.

Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: đồng*

STT	Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 3: Thiết bị, máy móc*Đơn vị: đồng*

STT	Thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 4: Hội thảo khoa học, công tác phí**4.1. Hội thảo khoa học (Thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)**

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Hội thảo lớn				
1	Người chủ trì				
2	Thư ký hội thảo				
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
4	Báo cáo khoa học được đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo				
5	Đại biểu tham dự				
6	Nước uống				
7	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
8	Chi khác theo quy định				
II	Hội thảo chuyên đề				
1	Chủ tịch				
2	Thư ký				
3	Đại biểu tham dự				
4	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
5	Nước uống				
6	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
7	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

4.2. Công tác phí

a) Công tác phí trong nước (Thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<i>I</i>	<i>Lần 1: Ghi rõ địa điểm đến</i>				
1	Tàu xe, đi lại ²				
2	Thuê chỗ ở ³				
3	Phụ cấp lưu trú				
<i>II</i>	<i>Lần 2: Ghi rõ địa điểm đến</i>				
1	Tàu xe, đi lại ⁴				
2	Thuê chỗ ở ⁵				
3	Phụ cấp lưu trú				
...					
Tổng số:					

² Theo giá cả thực tế

³ Theo định mức quy định

⁴ Theo giá cả thực tế

⁵ Theo định mức quy định

b) Công tác phí nước ngoài (Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Ghi rõ địa điểm đến				
1	Vé máy bay				
2	Thuê chỗ ở; Thanh toán theo khoán				
3	Tiền ăn và tiêu vật; Thanh toán theo khoán ⁶				
4	Tiền thuê phương tiện từ sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập/xuất cảnh; Thanh toán theo khoán ⁷				
5	Tiền điện thoại, fax, internet: 80USD/1 đoàn: Thanh toán theo khoán				
6	Tiền thuê phương tiện đi làm việc hàng ngày tại nơi đến công tác: Thanh toán theo hóa đơn nhưng không vượt 80 USD/1 người/1 nước đến công tác				
7	Phí bảo hiểm: Thanh toán theo HĐ tối đa 50 USD/người/chuyến công tác				
8	Lệ phí visa, lệ phí cấp hộ chiếu: Thanh toán theo phiếu thu hợp pháp của cơ quan lãnh sự				
9	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

⁶ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

⁷ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

Khoản 5: Dịch vụ thuê ngoài

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 6: Điều tra, khảo sát (Thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 7: Văn phòng phẩm, in ấn*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 8: Hội đồng tự đánh giá kết quả (Định mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia được quy định trong Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 9: Chi quản lý chung (bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 10: Chi khác

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Biểu B1-2-NXDATG
08/2016/TT-BKHCN

**PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN THÀNH LẬP, PHÁT TRIỂN
HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TRUNG GIAN**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí nhận xét	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12, 13]					
- Mục tiêu của dự án					
- Sự cần thiết thành lập tổ chức trung gian	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khái quát về tổ chức trung gian	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:</i>					
2. Nội dung và lộ trình thực hiện [Mục 14, 16]					
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:</i>						
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 17]						
- Đáp ứng được yêu cầu		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:</i>						
4. Lợi ích của dự án [Mục 18]						
- Góp phần phát triển thị trường khoa học và công nghệ		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Góp phần phát triển kinh tế - xã hội		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:</i>						
5. Phương án tài chính [Mục 15.2, 19]						
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Sự phù hợp của tổng dự toán.		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:</i>					
6. Năng lực thực hiện [Mục 15]					
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:</i>					
Ý kiến đánh giá tổng hợp			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

- 1. Đề nghị thực hiện:
 - 1.1. Khoán đến sản phẩm cuối cùng
 - 1.2. Khoán từng phần
- 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
- 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B1-3-ĐGDATG
08/2016/TT-BKH-CN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN THÀNH LẬP, PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TRUNG GIAN

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12, 13]									
- Mục tiêu của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			20
- Sự cần thiết thành lập tổ chức trung gian	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			
- Khái quát về tổ chức trung gian	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			
2. Nội dung và lộ trình thực hiện [Mục 14, 16]									
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			20
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			

09908565

3. Sản phẩm, kết quả của dự án <i>[Mục 17]</i>						
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3
4. Lợi ích của dự án <i>[Mục 18]</i>						
- Góp phần phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
- Góp phần phát triển kinh tế - xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
5. Phương án tài chính <i>[Mục 15.2, 19]</i>						
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
6. Năng lực thực hiện <i>[Mục 15]</i>						
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:
- 1.1. Khoán đến sản phẩm cuối cùng 1.2. Khoán từng phần
2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

THUYẾT MINH
DỰ ÁN TỔ CHỨC CÁC KHÓA ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ
CÁN BỘ, CHUYÊN GIA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên Dự án:	2	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):
3	Thời gian thực hiện:..... tháng (từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)		
4	Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng, trong đó		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước:		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức:		
	- Từ nguồn khác:		
5	Phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán chi từng phần, trong đó:	
		- <i>Kinh phí khoán:..... triệu đồng</i>	
		- <i>Kinh phí không khoán:..... triệu đồng</i>	
6	Chủ nhiệm dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		
7	Thư ký dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		

8 Tổ chức chủ trì thực hiện dự án

Tên tổ chức chủ trì:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Số tài khoản:.....

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:.....

Tên cơ quan chủ quản:.....

9 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nếu có):

9.1. Tổ chức 1:.....

Cơ quan chủ quản:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

9.2. Tổ chức 2:.....

Cơ quan chủ quản:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

10 Các cán bộ thực hiện dự án:

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

09908565

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

11	Dự báo phát triển
<p><i>11.1. Dự báo phát triển kinh tế - xã hội</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>11.2. Dự báo nhu cầu của thị trường khoa học và công nghệ</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
12	Phạm vi và đối tượng của dự án
<p><i>12.1. Nội dung đào tạo</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>12.2. Phạm vi đào tạo</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>12.3. Đối tượng đào tạo</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
13	Mục tiêu: (Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)
<p><i>13.1. Mục tiêu chung</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

13.2. Mục tiêu cụ thể:

.....

14 Năng lực thực hiện dự án

.....

15 Nội dung triển khai: (giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung triển khai của dự án)

15.1. Nội dung 1:

.....

15.2. Nội dung 2:

.....

15.3. Nội dung 3:

.....

16 Phương án triển khai:

16.1. Phương án tổ chức triển khai:

.....

16.2. Phương án về tài chính:

.....

.....

.....

16.3. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có):

.....

.....

.....

17	Kết quả, sản phẩm của dự án		
TT	Tên kết quả, sản phẩm	Yêu cầu phải đạt	Ghi chú
1			
2			
3			
...			
18	Lợi ích của dự án		
	18.1. Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ		
		
		
		
		
		
	18.2. Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ		
		
		
		
		
	18.2. Lợi ích khác		
		
		
		
		
		

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

19 Tiến độ thực hiện					
TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí (đồng)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
1	<i>Nội dung 1</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	<i>Nội dung 2</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
3	<i>Nội dung 3</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

20 Nhu cầu kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí												
TT	Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Trong đó									
			Công lao động trực tiếp	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Hội thảo, công tác phí	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát	Văn phòng phẩm, in ấn	Hội đồng tư vấn đánh giá	Chi quản lý chung	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
2	Các nguồn khác: 2.1. <i>Vốn tự có của cơ sở:</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: 2.2. <i>Khác (vốn huy động,...):</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
Cộng:												

*) : chi dự toán khi dự án đã được phê duyệt

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý kinh phí
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung các khoản chi	Dự kiến kinh phí		Kinh phí cấp theo tiến độ		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	Công lao động trực tiếp					
1.1	Tiền công theo chức danh					
1.2	Tiền công thuê chuyên gia					
2	Nguyên vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Hội thảo khoa học, công tác phí					
4.1	Hội thảo khoa học					
4.2	Công tác phí					
5	Dịch vụ thuê ngoài					
6	Điều tra khảo sát					
7	Văn phòng phẩm, in ấn					
8	Hội đồng tự đánh giá kết quả					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
Tổng số:						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động trực tiếp

1.1. Tiền công theo chức danh

a) Thuyết minh tiền công lao động

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn B	5
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	30
4	Nội dung nghiên cứu 1	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 1	Nguyễn Văn D	30
			Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn A	25
5	Nội dung nghiên cứu 2	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 2	Nguyễn Văn A	10
			Nguyễn Văn B	30
6	Nội dung nghiên cứu...	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn...	Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	10

7	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; trình công nghệ	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
			Nguyễn Văn E	30
8	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn D	10
9	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	Nguyễn Văn A	25
Tổng cộng:				365

b) Bảng tính tiền công theo chức danh

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ sở	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Số ngày	Công thức tính	Thành tiền
1	Nguyễn Văn A	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1.210.000	0,79	100	$1.210.000 \times 0,79 \times 100$	95.590.000
2	Nguyễn Văn B	Thư ký khoa học	1.210.000	0,49	75	$1.210.000 \times 0,49 \times 75$	44.467.500
3	Nguyễn Văn C	Thành viên thực hiện chính	1.210.000	0,49	80	$1.210.000 \times 0,49 \times 80$	47.432.000
4	Nguyễn Văn D	Thành viên	1.210.000	0,25	80	$1.210.000 \times 0,25 \times 80$	24.200.000
5	Nguyễn Văn E	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	1.210.000	0,16	30	$1.210.000 \times 0,16 \times 30$	5.808.000
Tổng số:							217.497.500

1.2. Tiền công thuê chuyên gia¹ (trong và ngoài nước)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Thành tiền
I	Chuyên gia trong nước						
1							
2							
...							
II	Chuyên gia nước ngoài						
1							
2							
...							
Tổng số:							

¹ Trong thuyết minh nêu rõ nhu cầu và nội dung công việc, kết quả, được hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, đơn vị chủ trì thực hiện thương thảo mức thuê:

- Đối với chuyên gia trong nước: không quá 40 triệu/người/tháng (tháng tính trên cơ sở 22 ngày làm việc). Tổng dự toán không quá 30% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh;
- Đối với chuyên gia ngoài nước: không quá 50% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh.

Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: đồng*

STT	Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 3: Thiết bị, máy móc*Đơn vị: đồng*

STT	Thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 4: Hội thảo khoa học, công tác phí**4.1. Hội thảo khoa học (Thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)**

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Hội thảo lớn				
1	Người chủ trì				
2	Thư ký hội thảo				
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
4	Báo cáo khoa học được đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo				
5	Đại biểu tham dự				
6	Nước uống				
7	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
8	Chi khác theo quy định				
II	Hội thảo chuyên đề				
1	Chủ tịch				
2	Thư ký				
3	Đại biểu tham dự				
4	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
5	Nước uống				
6	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
7	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

4.2. Công tác phí

a) *Công tác phí trong nước* (Thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi trả chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<i>I</i>	<i>Lần 1: Ghi rõ địa điểm đến</i>				
1	Tàu xe, đi lại ²				
2	Thuê chỗ ở ³				
3	Phụ cấp lưu trú				
<i>II</i>	<i>Lần 2: Ghi rõ địa điểm đến</i>				
1	Tàu xe, đi lại ⁴				
2	Thuê chỗ ở ⁵				
3	Phụ cấp lưu trú				
...					
Tổng số:					

² Theo giá cả thực tế

³ Theo định mức quy định

⁴ Theo giá cả thực tế

⁵ Theo định mức quy định

b) Công tác phí nước ngoài (Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Ghi rõ địa điểm đến				
1	Vé máy bay				
2	Thuê chỗ ở; Thanh toán theo khoán				
3	Tiền ăn và tiêu vặt; Thanh toán theo khoán ⁶				
4	Tiền thuê phương tiện từ sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập/xuất cảnh; Thanh toán theo khoán ⁷				
5	Tiền điện thoại, fax, internet: 80USD/1 đoàn: Thanh toán theo khoán				
6	Tiền thuê phương tiện đi làm việc hàng ngày tại nơi đến công tác: Thanh toán theo hóa đơn nhưng không vượt 80 USD/người/1 nước đến công tác				
7	Phí bảo hiểm: Thanh toán theo HĐ tối đa 50 USD/người/chuyến công tác				
8	Lệ phí visa, lệ phí cấp hộ chiếu: Thanh toán theo phiếu thu hợp pháp của cơ quan lãnh sự				
9	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

⁶ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

⁷ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

Khoản 5: Dịch vụ thuê ngoài*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 6: Điều tra, khảo sát (Thực hiện theo thông tư số 58/2011/TT-BTC)*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 7: Văn phòng phẩm, in ấn

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 8: Hội đồng tự đánh giá kết quả (Định mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia được quy định trong Thông tư số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 9: Chi quản lý chung (bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 10: Chi khác

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Biểu B2-2-NXDAĐT
08/2016/TT-BKHCHN

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN TỔ CHỨC CÁC KHÓA ĐÀO TẠO,
BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CHUYÊN GIA PHỤC VỤ
PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí nhận xét	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
1. Đánh giá chung [Mục 11, 13]					
- Dự báo phát triển kinh tế - xã hội; Dự báo nhu cầu của thị trường khoa học và công nghệ;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:</i>					
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 15, 16.1]					
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

09908565

<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:</i>					
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 12, 17]					
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đáp ứng phạm vi, đối tượng của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:</i>					
4. Lợi ích của dự án [Mục 18]					
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:</i>					
5. Phương án tài chính [Mục 16.2, 19]					
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:</i>					
6. Năng lực thực hiện [Mục 14]					
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	□	□	□	□	□
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	□	□	□	□	□
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:</i>					
Ý kiến đánh giá tổng hợp					
□	□	□	□	□	□

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

- 1. Đề nghị thực hiện:
 - 1.1. Khoản đến sản phẩm cuối cùng
 - 1.2. Khoản từng phần
- 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
- 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-3-ĐGĐAĐT
08/2016/TT-BKHCHN

**BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ CHỨC CÁC KHÓA
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CHUYÊN GIA PHỤC VỤ
PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. Đánh giá chung [Mục 11, 13]									
- Dự báo phát triển kinh tế - xã hội; Dự báo nhu cầu của thị trường khoa học và công nghệ;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 15, 16.1]									
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			20
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			

09908565

3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 12, 17]						
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
- Đáp ứng phạm vi, đối tượng của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3
4. Lợi ích của dự án [Mục 18]						
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
5. Phương án tài chính [Mục 16.2, 19]						
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
6. Năng lực thực hiện [Mục 14]						
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:
 1.1. Khoản đến sản phẩm cuối cùng 1.2. Khoản từng phần
2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
 (Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CÔNG NGHỆ, KHẢ NĂNG CUNG ỨNG CÔNG NGHỆ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên Dự án:	2	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):
3	Thời gian thực hiện:..... tháng (từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)		
4	Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng, trong đó		
Nguồn		Kinh phí (triệu đồng)	
- Từ Ngân sách nhà nước:			
- Từ nguồn tự có của tổ chức:			
- Từ nguồn khác:			
5	Phương thức khoán chi:		
<input type="checkbox"/> Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng		<input type="checkbox"/> Khoán chi từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán:..... triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán:..... triệu đồng	
6	Chủ nhiệm dự án:		
Họ và tên:.....			
Ngày, tháng, năm sinh:.....		Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
Học hàm, học vị:.....		Chức vụ:.....	
Điện thoại: Tổ chức:.....		Di động:.....	
Fax:.....		E-mail:.....	
Tên tổ chức đang công tác:.....			
Địa chỉ tổ chức:.....			
7	Thư ký dự án:		
Họ và tên:.....			
Ngày, tháng, năm sinh:.....		Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
Học hàm, học vị:.....		Chức vụ:.....	
Điện thoại: Tổ chức:.....		Di động:.....	
Fax:.....		E-mail:.....	
Tên tổ chức đang công tác:.....			
Địa chỉ tổ chức:.....			

8 Tổ chức chủ trì thực hiện dự án

Tên tổ chức chủ trì:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Số tài khoản:.....

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:.....

Tên cơ quan chủ quản:.....

9 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nếu có):

9.1. Tổ chức 1:.....

Cơ quan chủ quản:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

9.2. Tổ chức 2:.....

Cơ quan chủ quản:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

10 Các cán bộ thực hiện dự án:

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

11	Mục tiêu: <i>(Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)</i>
<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
12	Luận giải về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án
<p><i>12.1. Luận giải về tính cấp thiết của dự án</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>12.2. Luận cứ về tính khả thi và hiệu quả của dự án</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>12.3. Tác động của kết quả dự án đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>12.4. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội và môi trường</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
13	Năng lực thực hiện dự án
<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

14

Nội dung triển khai: (giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung triển khai của dự án)

14.1. Nội dung 1:

.....

.....

.....

.....

.....

14.2. Nội dung 2:

.....

.....

.....

.....

.....

14.3. Nội dung 3:

.....

.....

.....

.....

.....

15

Phương án triển khai:

15.1. Phương án tổ chức triển khai:

.....

.....

.....

.....

15.2. Phương án về tài chính:

.....

.....

.....

.....

15.3. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có):

.....

.....

.....

.....

16 Kết quả, sản phẩm của dự án			
<i>TT</i>	<i>Tên kết quả, sản phẩm</i>	<i>Yêu cầu phải đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
1			
2			
3			
...			
17 Lợi ích của dự án			
17.1. Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
17.2. Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

18	Tiến độ thực hiện				
TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
3	Nội dung 3				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

20 Nhu cầu kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí												
TT	Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Trong đó									
			Công lao động trực tiếp	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Hội thảo, công tác phí	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát	Văn phòng phẩm, in ấn	Hội đồng tư vấn đánh giá	Chi quản lý chung	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
2	Các nguồn khác: 2.1. <i>Vốn tự có của cơ sở:</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: 2.2. <i>Khác (vốn huy động,...):</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
Cộng:												

*) : chi dự toán khi dự án đã được phê duyệt

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý kinh phí
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung các khoản chi	Dự kiến kinh phí		Kinh phí cấp theo tiến độ		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	Công lao động trực tiếp					
1.1	Tiền công theo chức danh					
1.2	Tiền công thuê chuyên gia					
2	Nguyên vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Hội thảo khoa học, công tác phí					
4.1	Hội thảo khoa học					
4.2	Công tác phí					
5	Dịch vụ thuê ngoài					
6	Điều tra khảo sát					
7	Văn phòng phẩm, in ấn					
8	Hội đồng tự đánh giá kết quả					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
Tổng số:						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động trực tiếp

1.1. Tiền công theo chức danh

a) Thuyết minh tiền công lao động

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn B	5
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	30
4	Nội dung nghiên cứu 1	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 1	Nguyễn Văn D	30
			Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn A	25
5	Nội dung nghiên cứu 2	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 2	Nguyễn Văn A	10
			Nguyễn Văn B	30
6	Nội dung nghiên cứu...	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn...	Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	10

7	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; trình công nghệ	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
			Nguyễn Văn E	30
8	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn D	10
9	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	Nguyễn Văn A	25
Tổng cộng:				365

b) Bảng tính tiền công theo chức danh

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ sở	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Số ngày	Công thức tính	Thành tiền
1	Nguyễn Văn A	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1.210.000	0,79	100	$1.210.000 \times 0,79 \times 100$	95.590.000
2	Nguyễn Văn B	Thư ký khoa học	1.210.000	0,49	75	$1.210.000 \times 0,49 \times 75$	44.467.500
3	Nguyễn Văn C	Thành viên thực hiện chính	1.210.000	0,49	80	$1.210.000 \times 0,49 \times 80$	47.432.000
4	Nguyễn Văn D	Thành viên	1.210.000	0,25	80	$1.210.000 \times 0,25 \times 80$	24.200.000
5	Nguyễn Văn E	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	1.210.000	0,16	30	$1.210.000 \times 0,16 \times 30$	5.808.000
Tổng số:							217.497.500

1.2. Tiền công thuê chuyên gia¹ (trong và ngoài nước)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Thành tiền
I	Chuyên gia trong nước						
1		/					
2		/					
...		/					
II	Chuyên gia nước ngoài						
1							
2							
...							
Tổng số:							

¹ Trong thuyết minh nêu rõ nhu cầu và nội dung công việc, kết quả, được hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, đơn vị chủ trì thực hiện thương thảo mức thuê:

- Đối với chuyên gia trong nước: không quá 40 triệu/người/tháng (tháng tính trên cơ sở 22 ngày làm việc). Tổng dự toán không quá 30% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh;
- Đối với chuyên gia ngoài nước: không quá 50% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh.

Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: đồng

STT	Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 3: Thiết bị, máy móc

Đơn vị: đồng

STT	Thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 4: Hội thảo khoa học, công tác phí**4.1. Hội thảo khoa học (Thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)**

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Hội thảo lớn				
1	Người chủ trì				
2	Thư ký hội thảo				
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
4	Báo cáo khoa học được đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo				
5	Đại biểu tham dự				
6	Nước uống				
7	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
8	Chi khác theo quy định				
II	Hội thảo chuyên đề				
1	Chủ tịch				
2	Thư ký				
3	Đại biểu tham dự				
4	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
5	Nước uống				
6	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
7	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

4.2. Công tác phí

a) *Công tác phí trong nước* (Thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi trả chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<i>I</i>	<i>Lần 1: Ghi rõ địa điểm đến</i>				
1	Tàu xe, đi lại ²				
2	Thuê chỗ ở ³				
3	Phụ cấp lưu trú				
<i>II</i>	<i>Lần 2: Ghi rõ địa điểm đến</i>				
1	Tàu xe, đi lại ⁴				
2	Thuê chỗ ở ⁵				
3	Phụ cấp lưu trú				
...					
Tổng số:					

² Theo giá cả thực tế

³ Theo định mức quy định

⁴ Theo giá cả thực tế

⁵ Theo định mức quy định

b) Công tác phí nước ngoài (Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	<i>Ghi rõ địa điểm đến</i>				
1	Vé máy bay				
2	Thuê chỗ ở; Thanh toán theo khoán				
3	Tiền ăn và tiêu vật; Thanh toán theo khoán ⁶				
4	Tiền thuê phương tiện từ sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập/xuất cảnh; Thanh toán theo khoán ⁷				
5	Tiền điện thoại, fax, internet: 80USD/1 đoàn: Thanh toán theo khoán				
6	Tiền thuê phương tiện đi làm việc hàng ngày tại nơi đến công tác: Thanh toán theo hóa đơn nhưng không vượt 80 USD/1 người/1 nước đến công tác				
7	Phí bảo hiểm: Thanh toán theo HĐ tối đa 50 USD/người/chuyến công tác				
8	Lệ phí visa, lệ phí cấp hộ chiếu: Thanh toán theo phiếu thu hợp pháp của cơ quan lãnh sự				
9	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

⁶ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

⁷ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

Khoản 5: Dịch vụ thuê ngoài*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 6: Điều tra, khảo sát (Thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC)*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 7: Văn phòng phẩm, in ấn*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 8: Hội đồng tự đánh giá kết quả (Định mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia được quy định trong Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 9: Chi quản lý chung (bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện him vụ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 10: Chi khác

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Biểu B3-2-NXDADG
08/2016/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỒ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CÔNG NGHỆ,
KHẢ NĂNG CUNG ỨNG CÔNG NGHỆ

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí nhận xét	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12]					
- Luận giải được tính khả thi và hiệu quả của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:</i>					
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15.1]					
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

09908565

<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:</i>	
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 16]	
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:</i>	
4. Lợi ích của dự án [Mục 17]	
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:</i>	
5. Phương án tài chính [Mục 15.2, 18]	
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:</i>					
6. Năng lực thực hiện [Mục 13]					
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:</i>					
Ý kiến đánh giá tổng hợp				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:
 4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

- 1. Đề nghị thực hiện:
 - 1.1. Khoản đến sản phẩm cuối cùng
 - 1.2. Khoản từng phần
- 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
- 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
 (Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

09908565

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐÁNH GIÁ NHU CẦU
CÔNG NGHỆ, KHẢ NĂNG CUNG ỨNG CÔNG NGHỆ

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	<i>Chuyên gia đánh giá</i>					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12]									
- Luận giải được tính khả thi và hiệu quả của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15.1]									
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			20
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 16]									
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20

- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3			
4. Lợi ích của dự án [Mục 13]					
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			16
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
5. Phương án tài chính [Mục 15.2, 18]					
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			12
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
6. Năng lực thực hiện [Mục 13]					
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			12
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>				100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

- 1. Đề nghị thực hiện:
 - 1.1. Khoán đến sản phẩm cuối cùng
 - 1.2. Khoán từng phần
- 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
- 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

(Xem tiếp Công báo số 919 + 920)

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN
ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường
khoa học và công nghệ đến năm 2020**

**Phụ lục
MẪU ÁP DỤNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

(Tiếp theo Công báo số 917 + 918)

Biểu B4-1-TMDATMH
08/2016/TT-BKHCN

**THUYẾT MINH DỰ ÁN HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ,
TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên Dự án:	2	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):
3	Thời gian thực hiện:..... tháng (từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)		
4	Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng, trong đó		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước:		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức:		
	- Từ nguồn khác:		
5	Phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán chi từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán:..... triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán:..... triệu đồng	

6	Chủ nhiệm dự án:
Họ và tên:.....	
Ngày, tháng, năm sinh:.....	
Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
Học hàm, học vị:.....	
Chức vụ:.....	
Điện thoại: Tổ chức:.....	
Di động:.....	
Fax:.....	
E-mail:.....	
Tên tổ chức đang công tác:.....	
Địa chỉ tổ chức:.....	
7	Thư ký dự án:
Họ và tên:.....	
Ngày, tháng, năm sinh:.....	
Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
Học hàm, học vị:.....	
Chức vụ:.....	
Điện thoại: Tổ chức:.....	
Di động:.....	
Fax:.....	
E-mail:.....	
Tên tổ chức đang công tác:.....	
Địa chỉ tổ chức:.....	
8	Tổ chức chủ trì thực hiện dự án
Tên tổ chức chủ trì:.....	
Điện thoại:..... Fax:.....	
Email:..... Website:.....	
Địa chỉ:.....	
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....	
Số tài khoản:.....	
Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:.....	
Tên cơ quan chủ quản:.....	
9	Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nếu có):
9.1. Tổ chức 1:	
Cơ quan chủ quản:.....	
Điện thoại:..... Fax:.....	
Địa chỉ:.....	
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....	
9.2. Tổ chức 2:	
Cơ quan chủ quản:.....	
Điện thoại:..... Fax:.....	
Địa chỉ:.....	
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....	

10 Các cán bộ thực hiện dự án:				
<i>(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)</i>				
TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

11	Xuất xứ
<p>[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đó được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị (tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền); - Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp); - Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan); - Sản phẩm khoa học và công nghệ khác.] <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
12	Mục tiêu: (Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)
<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

13	Luận giải về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án
<i>13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án</i>	
.....	
.....	
.....	
.....	
<i>13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường của dự án</i>	
.....	
.....	
.....	
.....	
<i>13.3. Tác động của kết quả dự án đến phát triển thị trường KH&CN</i>	
.....	
.....	
.....	
.....	
14	Năng lực thực hiện dự án
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
15	Nội dung triển khai: (giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung triển khai của dự án)
<i>15.1. Nội dung 1:</i>	
.....	
.....	
.....	
.....	
<i>15.2. Nội dung 2:</i>	
.....	
.....	
.....	
.....	

15.3. Nội dung 3:			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
16	Phương án triển khai:		
16.1. Phương án tổ chức triển khai:			
.....			
.....			
.....			
.....			
16.2. Phương án về tài chính:			
.....			
.....			
.....			
16.3. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có):			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
17	Kết quả, sản phẩm của dự án		
TT	Tên kết quả, sản phẩm	Yêu cầu phải đạt	Ghi chú
1			
2			
3			
...			
18	Lợi ích của dự án		
18.1. Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

18.2. Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ

.....

18.3. Lợi ích khác

.....

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

18 Tiến độ thực hiện					
TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
3	Nội dung 3				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

20 Nhu cầu kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí												
TT	Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Trong đó									
			Công lao động trực tiếp	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Hội thảo, công tác phí	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát	Văn phòng phẩm, in ấn	Hội đồng tự đánh giá	Chi quản lý chung	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
2	Các nguồn khác: 2.1. <i>Vốn tự có của cơ sở:</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: 2.2. <i>Khác (vốn huy động,...):</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
Cộng:												

*) : chi dự toán khi dự án đã được phê duyệt

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý kinh phí
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung các khoản chi	Dự kiến kinh phí		Kinh phí cấp theo tiến độ		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	Công lao động trực tiếp					
1.1	Tiền công theo chức danh					
1.2	Tiền công thuê chuyên gia					
2	Nguyên vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Hội thảo khoa học, công tác phí					
4.1	Hội thảo khoa học					
4.2	Công tác phí					
5	Dịch vụ thuê ngoài					
6	Điều tra khảo sát					
7	Văn phòng phẩm, in ấn					
8	Hội đồng tự đánh giá kết quả					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
Tổng số:						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động trực tiếp

1.1. Tiền công theo chức danh

a) Thuyết minh tiền công lao động

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn B	5
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	30
4	Nội dung nghiên cứu 1	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 1	Nguyễn Văn D	30
			Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn A	25
5	Nội dung nghiên cứu 2	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 2	Nguyễn Văn A	10
			Nguyễn Văn B	30
6	Nội dung nghiên cứu...	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn...	Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	10

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
7	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; trình công nghệ	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
			Nguyễn Văn E	30
8	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn D	10
9	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	Nguyễn Văn A	25
Tổng cộng:				365

b) Bảng tính tiền công theo chức danh

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ sở	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Số ngày	Công thức tính	Thành tiền
1	Nguyễn Văn A	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1.210.000	0,79	100	$1.210.000 \times 0,79 \times 100$	95.590.000
2	Nguyễn Văn B	Thư ký khoa học	1.210.000	0,49	75	$1.210.000 \times 0,49 \times 75$	44.467.500
3	Nguyễn Văn C	Thành viên thực hiện chính	1.210.000	0,49	80	$1.210.000 \times 0,49 \times 80$	47.432.000
4	Nguyễn Văn D	Thành viên	1.210.000	0,25	80	$1.210.000 \times 0,25 \times 80$	24.200.000
5	Nguyễn Văn E	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	1.210.000	0,16	30	$1.210.000 \times 0,16 \times 30$	5.808.000
Tổng số:							217.497.500

1.2. Tiền công thuê chuyên gia¹ (trong và ngoài nước)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Thành tiền
I	Chuyên gia trong nước						
1							
2							
...							
II	Chuyên gia nước ngoài						
1							
2							
...							
Tổng số:							

¹ Trong thuyết minh nêu rõ nhu cầu và nội dung công việc, kết quả, được hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, đơn vị chủ trì thực hiện thương thảo mức thuê:

- Đối với chuyên gia trong nước: không quá 40 triệu/người/tháng (tháng tính trên cơ sở 22 ngày làm việc). Tổng dự toán không quá 30% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh;

- Đối với chuyên gia ngoài nước: không quá 50% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh.

Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: đồng*

STT	Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 3: Thiết bị, máy móc*Đơn vị: đồng*

STT	Thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 4: Hội thảo khoa học, công tác phí**4.1. Hội thảo khoa học (Thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)**

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Hội thảo lớn				
1	Người chủ trì				
2	Thư ký hội thảo				
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
4	Báo cáo khoa học được đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo				
5	Đại biểu tham dự				
6	Nước uống				
7	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
8	Chi khác theo quy định				
II	Hội thảo chuyên đề				
1	Chủ tịch				
2	Thư ký				
3	Đại biểu tham dự				
4	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
5	Nước uống				
6	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
7	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					